

Số: /TB - ĐHNT

Khánh Hòa, ngày tháng năm 2021

THÔNG BÁO

Tuyển sinh đại học hệ chính quy năm 2021

Căn cứ Thông tư số 09/2020/TT - BGDDT ngày 07/05/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tuyển sinh trình độ đại học; tuyển sinh trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non;

Căn cứ Quyết định số 1455/QĐ - ĐHNT ngày 27/11/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nha Trang về việc thành lập Hội đồng tuyển sinh đại học hệ chính quy năm 2021.

Hiệu trưởng - Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh thông báo tuyển sinh đại học hệ chính quy năm 2021, cụ thể như sau:

1. Đối tượng tuyển sinh

Thí sinh có đủ các điều kiện được tham gia tuyển sinh đại học theo quy định tại Quy chế tuyển sinh hiện hành.

2. Phạm vi tuyển sinh

Mã tuyển sinh: TSN

Phạm vi: **Tuyển sinh trên toàn quốc**

Quy mô: **3.500 chỉ tiêu**

3. Phương thức tuyển sinh

Thí sinh có thể sử dụng 1 hoặc đồng thời các phương thức xét tuyển như sau:

TT	Phương thức xét tuyển	Thang điểm xét tuyển	Tỷ lệ phân bổ chỉ tiêu
1	Xét tuyển dựa vào <u>điểm thi</u> THPT năm 2021	Thang điểm 30	Tối đa 30% tổng chỉ tiêu để xét tuyển tất cả các ngành
2	Xét tuyển dựa vào <u>điểm xét tốt nghiệp</u> THPT năm 2021	Thang điểm 10	Tối thiểu 40% tổng chỉ tiêu để xét tuyển tất cả các ngành. Phương thức này không tính điểm ưu tiên khu vực và đối tượng khi xét tuyển
3	Xét tuyển dựa vào điểm thi Đánh giá năng lực của ĐHQG TP. HCM năm 2021	Thang điểm 1200	Tối đa 25% tổng chỉ tiêu để xét tuyển tất cả các ngành. Phương thức này không tính điểm ưu tiên khu vực và đối tượng khi xét tuyển
4	Xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo hình thức riêng của Trường và theo quy chế của Bộ GD&ĐT		Tối đa 5% tổng chỉ tiêu để xét tuyển tất cả các ngành đào tạo

4. Chi tiết về đối tượng xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển

4.1. Đối tượng 1: *Tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo quy định của Bộ*

Tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo Quy chế tuyển sinh đại học hiện hành của Bộ GD&ĐT vào tất cả các ngành.

4.2. Đối tượng 2: *Tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo quy định riêng của Trường*

4.2.1. Đối tượng 2.1: Học sinh trường THPT chuyên, năng khiếu, trường thuộc nhóm có điểm THPT cao nhất

Tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển vào trường ở tất cả các ngành đối với các thí sinh sau:

- Học sinh của 82 trường THPT chuyên, năng khiếu các trường đại học, tỉnh thành trên toàn quốc.
- Học sinh của 50 trường THPT thuộc nhóm 100 trường có điểm trung bình kết quả THPT cao nhất cả nước trong 3 năm 2017, 2018, 2019.

Điều kiện đăng ký:

- Tốt nghiệp THPT.
- Đạt danh hiệu học sinh giỏi trong năm lớp 10, lớp 11 và lớp 12; **hoặc** là thành viên đội tuyển của trường hoặc tỉnh/thành phố tham dự kỳ thi học sinh giỏi quốc gia; **hoặc** đạt giải nhất, nhì Cuộc thi khoa học kỹ thuật cấp tỉnh.
- Có hạnh kiểm tốt trong năm lớp 10, lớp 11 và lớp 12.

4.2.2. Đối tượng 2.2: Thí sinh tham gia Cuộc thi Môi trường xanh

Tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển vào **02 ngành:** Công nghệ sinh học, Kỹ thuật môi trường đối với thí sinh tham gia Cuộc thi Môi trường xanh Khánh Hòa do Trường ĐHNH phối hợp với Sở GD&ĐT Khánh Hòa, Ninh Thuận và Phú Yên đồng tổ chức. Cụ thể:

a) Xét tuyển thẳng đối với thí sinh có 1 trong các tiêu chuẩn sau:

- Đạt giải nhất, nhì hoặc ba của Cuộc thi, có giấy chứng nhận tham gia cuộc thi;
- Tốt nghiệp THPT từ loại Giỏi trở lên, có giấy chứng nhận tham gia cuộc thi.

b) Ưu tiên xét tuyển đối với thí sinh đạt 1 trong các tiêu chuẩn sau:

- Vượt qua vòng loại đầu tiên của cuộc thi: ưu tiên cộng thêm 1,0 điểm (tính theo Phương thức điểm thi THPT 2021), quy đổi tương ứng với các phương thức khác;
- Vào vòng bán kết của cuộc thi: ưu tiên cộng thêm 2,0 điểm (tính theo Phương thức điểm thi THPT 2021), quy đổi tương ứng với các phương thức khác;
- Vào vòng chung kết (vòng cuối cùng) của cuộc thi: ưu tiên cộng thêm 3,0 (tính theo Phương thức điểm thi THPT 2021), quy đổi tương ứng với các phương thức khác.

4.2.3. Đối tượng 2.3: Thí sinh đạt các chứng chỉ tiếng Anh quốc tế

Trường Đại học Nha Trang tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển đối với thí sinh có các chứng chỉ quốc tế, cụ thể:

a) Xét tuyển thẳng đối với TS đạt đồng thời các tiêu chuẩn sau:

- Có chứng chỉ IELTS quốc tế từ 5.5 điểm hoặc TOEIC quốc tế 550 điểm hoặc TOEFL (iBT) 65 điểm trở lên (còn hiệu lực).

Riêng đối với ngành Ngôn ngữ Anh phải có chứng chỉ IELTS quốc tế từ 6.0 điểm hoặc TOEIC quốc tế 600 điểm hoặc TOEFL (iBT) 70 điểm trở lên (còn hiệu lực).

- Tốt nghiệp THPT từ loại Khá trở lên.

b) Ưu tiên xét tuyển đối với TS đạt các tiêu chí như sau:

- Có chứng chỉ IELTS quốc tế từ **3.5 – 4.0** điểm hoặc TOEIC quốc tế **400 - 449** điểm hoặc TOEFL (iBT) **30 - 40** điểm trở lên (còn hiệu lực): ưu tiên cộng thêm 1,0 điểm (tính theo Phương thức xét tuyển dựa vào điểm thi THPT 2021), quy đổi tương ứng với các phương thức khác;
- Có chứng chỉ IELTS quốc tế đạt **4.5** điểm hoặc TOEIC quốc tế từ **450 - 499** điểm hoặc TOEFL (iBT) **41 - 52** điểm trở lên (còn hiệu lực): ưu tiên cộng thêm 2,0 điểm (tính theo Phương thức điểm thi THPT 2021), quy đổi tương ứng với các phương thức khác;

- Có chứng chỉ IELTS quốc tế đạt **5.0** điểm hoặc TOEIC quốc tế từ **500 - 549** điểm hoặc TOEFL (iBT) từ **53 - 64** điểm (còn hiệu lực): ưu tiên cộng thêm 3,0 (tính theo Phương thức xét tuyển dựa vào điểm thi THPT 2021), quy đổi tương ứng với các phương thức khác. Riêng đối với ngành Ngôn ngữ Anh phải có chứng chỉ IELTS quốc tế từ **5.0 – 5.5** điểm hoặc TOEIC quốc tế từ **500 - 599** điểm hoặc TOEFL (iBT) từ **53 - 69** điểm trở lên (còn hiệu lực).

5. Ngành đào tạo, chỉ tiêu và tổ hợp xét tuyển

Bảng 1: Ngành đào tạo, chỉ tiêu xét tuyển năm 2021

TT.	Mã ngành	Tên ngành	Chỉ tiêu	Áp điểm sàn tiếng Anh cho tất cả các phương thức (trừ tuyển thẳng)
I	Chương trình tiên tiến – chất lượng cao			
1	7340101A	Quản trị kinh doanh (<i>Chương trình song ngữ Anh-Việt</i>)	30	X
2	7340301PHE	Kê toán (<i>chương trình định hướng nghề nghiệp, đào tạo song ngữ Anh-Việt</i>)	30	X
3	7480201PHE	Công nghệ thông tin (<i>chương trình định hướng nghề nghiệp, đào tạo song ngữ Anh-Việt</i>)	30	X
4	7810201PHE	Quản trị khách sạn (<i>chương trình định hướng nghề nghiệp, đào tạo song ngữ Anh-Việt</i>)	60	X
II	Chương trình chuẩn/dại trà			
5	7620304	Khai thác thủy sản	50	
6	7620305	Quản lý thủy sản	50	
7	7620301	Nuôi trồng thủy sản (<i>3 chuyên ngành: Công nghệ Nuôi trồng thủy sản; Quản lý sức khỏe động vật thủy sản, Quản lý Nuôi trồng thủy sản</i>)	160	
8	7420201	Công nghệ sinh học	60	
9	7520320	Kỹ thuật môi trường	50	
10	7520103	Kỹ thuật cơ khí	80	
11	7510202	Công nghệ chế tạo máy	60	
12	7520114	Kỹ thuật cơ điện tử	80	
13	7520115	Kỹ thuật nhiệt (<i>3 chuyên ngành: Kỹ thuật nhiệt lạnh; Máy lạnh, điều hòa không khí và thông gió; Máy lạnh và thiết bị nhiệt thực phẩm</i>)	80	
14	7840106	Khoa học hàng hải (<i>2 chuyên ngành: Khoa học hàng hải; Quản lý hàng hải và Logistics</i>)	50	
15	7520116	Kỹ thuật cơ khí động lực	50	
16	7520122	Kỹ thuật tàu thủy	80	
17	7520130	Kỹ thuật ô tô	180	
18	7520201	Kỹ thuật điện (<i>chuyên ngành Kỹ thuật điện, điện tử</i>)	140	

TT.	Mã ngành	Tên ngành	Chỉ tiêu	Áp điểm sàn tiếng Anh cho tất cả các phương thức (trừ tuyển thẳng)
19	7580201	Kỹ thuật xây dựng (2 chuyên ngành: Kỹ thuật xây dựng; Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông)	180	
20	7520301	Kỹ thuật hoá học	50	
21	7540101	Công nghệ thực phẩm (2 chuyên ngành: Công nghệ thực phẩm; Đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm)	180	
22	7540105	Công nghệ chế biến thủy sản (2 chuyên ngành: Công nghệ chế biến thủy sản; Công nghệ sau thu hoạch)	60	
23	7480201	Công nghệ thông tin (2 chuyên ngành: Công nghệ thông tin; Truyền thông và Mạng máy tính)	220	X
24	7340405	Hệ thống thông tin quản lý	50	
25	7810103P	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành (Chương trình song ngữ Pháp-Việt)	30	
26	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	150	X
27	7810201	Quản trị khách sạn	200	X
28	7340101	Quản trị kinh doanh	180	X
29	7340115	Marketing	110	X
30	7340121	Kinh doanh thương mại	110	X
31	7340201	Tài chính - ngân hàng	110	X
32	7340301	Kế toán (2 chuyên ngành: Kế toán; Kiểm toán)	160	X
33	7380101	Luật (02 chuyên ngành: Luật, Luật kinh tế)	70	
34	7220201	Ngôn ngữ Anh (4 chuyên ngành: Biên - phiên dịch; Tiếng Anh du lịch; Giảng dạy Tiếng Anh; Song ngữ Anh - Trung)	200	X
35	7310101	Kinh tế (chuyên ngành Kinh tế thủy sản)	50	
36	7310105	Kinh tế phát triển	70	
	Tổng số 36 ngành (50 chuyên ngành/chương trình đào tạo)		3.500	13

6. Chính sách ưu tiên

Bên cạnh việc cộng điểm ưu tiên đối tượng và ưu tiên khu vực theo quy chế tuyển sinh hiện hành, Trường Đại học Nha Trang còn có các chính sách ưu tiên cụ thể sau:

6.1. Ưu tiên về ký túc xá

Miễn phí 100% ký túc xá cho thí sinh vào học 5 ngành sau:

1. Công nghệ chế biến thủy sản,
2. Nuôi trồng thủy sản,
3. Khai thác thủy sản,
4. Quản lý thủy sản,
5. Khoa học hàng hải.

Đầu mỗi học kỳ, Nhà trường xem xét miễn giảm khi SV đáp ứng đủ các tiêu chí theo quy định.

6.2. Chính sách học bổng, học phí

- Nhà trường có học bổng cho thủ khoa đầu vào và học bổng cho sinh viên có hoàn cảnh khó khăn;

- Ngoài ra, các Khoa/Viện có nguồn kinh phí tài trợ học bổng, học phí cho sinh viên từ các doanh nghiệp, cựu sinh viên, các tổ chức trong và ngoài nước.

7. Tổ chức đăng ký xét tuyển

7.1. Đối với phương thức sử dụng Điểm thi THPT năm 2021

Thời gian đăng ký: 24/4/2021 – 10/5/2021

Tổ hợp xét tuyển: tại Phụ lục kèm theo

Hồ sơ và hướng dẫn nộp hồ sơ xét tuyển sẽ thực hiện theo kế hoạch của Bộ GD&ĐT và của trường THPT nơi thí sinh đang theo học.

7.2. Đối với phương thức sử dụng Điểm xét tốt nghiệp THPT năm 2021

Thời gian đăng ký: 20/7/2021 – 30/7/2021 (đợt 1)

Nộp hồ sơ ngay sau khi có kết quả thi và được cấp Giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời. Thời gian, hồ sơ và hướng dẫn nộp hồ sơ xét tuyển sẽ thông báo sau.

7.3. Đối với phương thức sử dụng Điểm đánh giá năng lực của ĐHQG-HCM 2021

a. Thời gian đăng ký: 01/5/2021 – 30/7/2021

b. Hồ sơ xét tuyển:

- Phiếu đăng ký xét tuyển theo mẫu quy định;
- Bản chính Giấy chứng nhận kết quả thi ĐGNL;
- Lệ phí xét tuyển theo quy định.

c. Cách thức nộp hồ sơ: theo một trong ba cách sau đây:

- Nộp phiếu đăng ký xét tuyển trực tuyến (*truy cập website: xettuyen.ntu.edu.vn*);
- Nộp hồ sơ qua đường bưu điện;
- Nộp hồ sơ trực tiếp tại trường.

d. Địa chỉ nộp hồ sơ: chi tiết tại tiểu mục d, mục 8.4

7.4. Đối với phương thức xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo hình thức riêng của Trường và theo quy chế của Bộ GD&ĐT

a. Thời gian xét tuyển: 01/5/2021 – 15/7/2021

b. Hồ sơ xét tuyển:

- Phiếu đăng ký xét tuyển thẳng theo mẫu quy định;
- Bản photo công chứng học bạ THPT;
- Bản photo công chứng Bằng tốt nghiệp THPT đối với thí sinh tự do đã tốt nghiệp năm trước *hoặc* Giấy chứng nhận tốt nghiệp đối với thí sinh lớp 12 tốt nghiệp năm 2021 (cho phép thí sinh bổ sung khi nhập học);
- Bản sao hợp lệ các giấy tờ chứng nhận hợp pháp nếu thí sinh thuộc đối tượng ưu tiên theo quy định của quy chế tuyển sinh hiện hành;
- Lệ phí xét tuyển theo quy định.

c. Cách thức nộp hồ sơ: theo một trong ba cách sau đây:

- Nộp phiếu đăng ký xét tuyển trực tuyến (*truy cập website: xettuyen.ntu.edu.vn*);
- Nộp hồ sơ qua đường bưu điện;

- Nộp hồ sơ trực tiếp tại trường.

d. Địa chỉ nộp hồ sơ: Phòng Đào tạo Đại học – Trường Đại học Nha Trang
Số 02, Nguyễn Đình Chiểu, Tp. Nha Trang, Khánh Hòa.

Thông tin chi tiết được cung cấp và cập nhật tại:

- Website: www.tuyensinh.ntu.edu.vn

- Fanpage: <https://www.facebook.com/tuyensinhhdhnt/>

- ĐT: 0258.383.1148; 0258.3831145

Email: tuyensinh@ntu.edu.vn

Trân trọng thông báo./.

Nơi nhận:

- Các kênh thông tin;
- Lưu: VT, ĐTDH.

HIỆU TRƯỞNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

PHỤ LỤC

Ngành đào tạo và Tổ hợp xét tuyển theo phương thức Điểm thi THPT năm 2021

(Kèm theo Thông báo số: /TB – ĐHNT, ngày tháng năm 2021
của Hiệu trưởng Trường Đại học Nha Trang)

Bảng 1: Ngành đào tạo và Tổ hợp xét tuyển theo phương thức Điểm thi THPT 2021

TT	Mã ngành	Tên ngành	Tổ hợp xét tuyển theo phương thức Điểm thi THPT 2021
I	Chương trình tiên tiến – chất lượng cao		
1	7340101A	Quản trị kinh doanh (Chương trình song ngữ Anh-Việt)	A01; D01; D07; D96
2	7340301P HE	Kế toán (chương trình định hướng nghề nghiệp, đào tạo song ngữ Anh-Việt)	A01; D01; D07; D96
3	7480201P HE	Công nghệ thông tin (chương trình định hướng nghề nghiệp, đào tạo song ngữ Anh-Việt)	A01; D01; D07; D96
4	7810201P HE	Quản trị khách sạn (chương trình định hướng nghề nghiệp, đào tạo song ngữ Anh-Việt)	A01; D01; D07; D96
II	Chương trình chuẩn/đại trà		
5	7620304	Khai thác thủy sản	A00; A01; B00; D07
6	7620305	Quản lý thủy sản	A00; A01; B00; D07
7	7620301	Nuôi trồng thủy sản (3 chuyên ngành: Công nghệ Nuôi trồng thủy sản; Quản lý sức khỏe động vật thủy sản, Quản lý Nuôi trồng thủy sản)	A01; B00; D01; D96
8	7420201	Công nghệ sinh học	A00; A01; B00; D07
9	7520320	Kỹ thuật môi trường	A00; A01; B00; D07
10	7520103	Kỹ thuật cơ khí	A00; A01; C01; D07
11	7510202	Công nghệ chế tạo máy	A00; A01; C01; D07
12	7520114	Kỹ thuật cơ điện tử	A00; A01; C01; D07
13	7520115	Kỹ thuật nhiệt (3 chuyên ngành: Kỹ thuật nhiệt lạnh; Máy lạnh, điều hòa không khí và thông gió; Máy lạnh và thiết bị nhiệt thực phẩm)	A00; A01; C01; D07
14	7840106	Khoa học hàng hải (2 chuyên ngành: Khoa học hàng hải; Quản lý hàng hải và Logistics)	A00; A01; C01; D07
15	7520116	Kỹ thuật cơ khí động lực	A00; A01; C01; D07
16	7520122	Kỹ thuật tàu thủy	A00; A01; C01; D07
17	7520130	Kỹ thuật ô tô	A00; A01; C01; D07
18	7520201	Kỹ thuật điện (chuyên ngành Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử)	A00; A01; C01; D07
19	7580201	Kỹ thuật xây dựng (2 chuyên ngành: Kỹ thuật xây dựng; Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông)	A00; A01; C01; D07
20	7520301	Kỹ thuật hoá học	A00; A01; B00; D07
21	7540101	Công nghệ thực phẩm (2 chuyên ngành: Công nghệ thực phẩm; Đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm)	A00; A01; B00; D07
22	7540105	Công nghệ chế biến thủy sản (2 chuyên ngành: Công nghệ chế biến thủy sản; Công nghệ sau thu hoạch)	A00; A01; B00; D07
23	7480201	Công nghệ thông tin (2 chuyên ngành: Công nghệ thông tin; Truyền thông và Mạng máy tính)	A01; D01; D07; D96

TT	Mã ngành	Tên ngành	Tổ hợp xét tuyển theo phương thức Điểm thi THPT 2021
24	7340405	Hệ thống thông tin quản lý	A01; D01; D07; D96
25	7810103P	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành (<i>Chương trình song ngữ Pháp-Việt</i>)	D03; D97
26	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	A01; D01; D07; D96
27	7810201	Quản trị khách sạn	A01; D01; D07; D96
28	7340101	Quản trị kinh doanh	A01; D01; D07; D96
29	7340115	Marketing	A01; D01; D07; D96
30	7340121	Kinh doanh thương mại	A01; D01; D07; D96
31	7340201	Tài chính - ngân hàng	A01; D01; D07; D96
32	7340301	Kế toán (<i>2 chuyên ngành: Kế toán; Kiểm toán</i>)	A01; D01; D07; D96
33	7380101	Luật (<i>02 chuyên ngành: Luật, Luật kinh tế</i>)	C00; D01; D07; D96
34	7220201	Ngôn ngữ Anh (<i>4 chuyên ngành: Biên - phiên dịch; Tiếng Anh du lịch; Giảng dạy Tiếng Anh; Song ngữ Anh - Trung</i>)	A01; D01; D14; D15
35	7310101	Kinh tế (<i>chuyên ngành Kinh tế thủy sản</i>)	A01; D01; D07; D96
36	7310105	Kinh tế phát triển	A01; D01; D07; D96
Tổng số 36 ngành (50 chuyên ngành/chương trình đào tạo)			

Lưu ý:

- ❖ Tổ hợp xét tuyển đối với phương thức dựa vào điểm thi THPT năm 2021 như Bảng 2.

Bảng 2: Tổ hợp xét tuyển

TT	Tổ hợp xét tuyển	TT	Tổ hợp xét tuyển
1	A00: Toán, Vật lý, Hóa học	7	D07: Toán, Hóa học, Tiếng Anh
2	A01: Toán, Vật lý, Tiếng Anh	8	D14: Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh
3	B00: Toán, Hóa học, Sinh học	9	D15: Ngữ văn, Địa lý, Tiếng Anh
4	C01: Toán, Ngữ văn, Vật lý	10	D96: Toán, Khoa học xã hội, Tiếng Anh
5	D01: Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh	11	D97: Toán, Khoa học xã hội, Tiếng Pháp
6	D03: Toán, Ngữ văn, Tiếng Pháp	12	C00: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý

- ❖ Điểm chuẩn trúng tuyển đối với Điểm thi THPT năm 2021:

- Đối với một ngành, chênh lệch điểm chuẩn trúng tuyển giữa các tổ hợp bằng 0.
- Mỗi ngành chỉ có một điểm chuẩn trúng tuyển được áp dụng cho tất cả tổ hợp môn xét tuyển của ngành đó.
- Thí sinh lựa chọn và chỉ đăng ký một tổ hợp môn có kết quả thi tốt nhất.